

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Ông Văn Đình Thịnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2018 ngày 22/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lang Thị T, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường T, Quận B, TP. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Lê Văn X, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lang Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn X chung sống với nhau từ năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/4/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau, đánh nhau do anh X hay uống rượu, đánh bài về nhà lại kiếm chuyện chửi vợ, mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên bảo nhưng anh X vẫn không thay đổi. Đến năm 2013 do không chịu đựng nổi nên chị T đã đi làm ăn, sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy chị không còn tình cảm gì với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn X

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Thị C, sinh ngày 24/6/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 02/10/2002 hiện đang sống với chị Lang Thị T ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi ly hôn chị muốn trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành (18 tuổi). Chị Lang Thị T không yêu cầu anh Lê Văn X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Lang Thị T đồng ý chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành giao và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Văn X. Anh X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không ký vào biên bản giao nhận, không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành làm bản tự khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lang Thị T và anh Lê Văn X tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn L, xã I. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị T và anh X thường hay cãi nhau, anh X hay uống rượu, cờ bạc về đánh đập vợ con. Chính quyền địa phương đến hòa giải, khuyên can nhưng anh X không hợp tác. Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành hòa giải và phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn X, còn anh X thì không đến Tòa án làm việc, nên không thể tiến hành hoà giải được. Do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Lang Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn X và xin được nuôi 02 con chung là Lê Thị C, sinh ngày 24/6/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 02/10/2002 đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh Lê Văn X cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 34/2018/HNGĐ –ST ngày 14/3/2018. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt và niêm yết hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Lê Văn X vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Lang Thị T và anh Lê Văn X cưới nhau trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/4/2003 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Văn X không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, hay uống rượu về đánh đập vợ con, mặc dù chị T nhiều lần khuyên can nhưng anh X không nghe nên vợ chồng phải sống ly thân. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh X đang sinh sống, thì Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn L, xã I cho biết, anh X hay uống rượu về chửi và đánh vợ con, chính quyền địa phương đã nhiều lần đến khuyên can, hòa giải nhưng không thành. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Lang Thị T nhất quyết đòi ly hôn với anh Lê Văn X. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lang Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn X là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên toà hôm nay, chị Lang Thị T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là Lê Thị C, sinh ngày 24/6/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 02/10/2002 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, nguyện vọng của chị T là hợp pháp, hơn nữa cháu Lê Thị C và Lê Văn T đều có nguyện vọng được sống với mẹ là Lang Thị T. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu Lê Thị C, sinh ngày 24/6/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 02/10/2002 cho chị Lang Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên toà hôm nay chị Lang Thị T không yêu cầu anh Lê Văn X cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Anh Lê Văn X được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lang Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lang Thị T được ly hôn với anh Lê Văn X.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lang Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 là Lê Thị C, sinh ngày 24/6/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 02/10/2002 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lang Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Lê Văn X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Lang Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0004372 ngày 14/3/2018.

- Quyền kháng cáo: Báo cho chị Lang Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Lê Văn X vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn